

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2026/DS-PT

Ngày: 16 – 3 – 2026

V/v tranh chấp về dân sự – HĐ

Vay tài sản và HĐCNQSD đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ái Doan

Ông Trần Hữu Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hồng Diễm, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Điều, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30/01/2025, ngày 05/3/2026 và ngày 16/3/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 855/2025/TLPT- DS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc “V/v Tranh chấp về dân sự – Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1458/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Duyên N, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Nay xã M, tỉnh Đồng Tháp).

Bị đơn: Ông Võ Thanh P, sinh năm 1971;

Bà Phan Thị Như M, sinh năm 1979;

Chị Võ Yến N, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Tổ 0, xã M, tỉnh Đồng Tháp (Trước sáp nhập là Tổ 0, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp).

Người đại diện theo ủy quyền của ông P và bà Như M là: Ông Vũ Tuấn K, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số nhà 0, đường C, khóm M, phường C, tỉnh Đồng Tháp. Văn bản ủy quyền vào ngày 28/10/2022 và ngày 18/11/2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp).

2. Ông Phan Văn H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp).

3. Chị Lê Thị Tuyết M, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số 0, đường số 0, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Chị Trần Thị Bạch T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 0, khu V, phường C, tỉnh Đồng Tháp;

5. Phòng Công chứng số 0 tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số 0, đường H, phường C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị N, ông Tuấn K có mặt tại phiên tòa. Chị Yến N, chị Tuyết M và Phòng Công chứng số 0, tỉnh Đồng Tháp có đơn xin vắng mặt. Ông H, ông H, chị Bạch T vắng mặt.

- Kháng cáo: Chị Lê Thị Duyên N là nguyên đơn; Bà Phan Thị Như M và ông Võ Thanh P là bị đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thị Duyên N trình bày như sau:*

Chị N có cho gia đình ông Võ Thanh P cùng vợ là bà Phan Thị Như M và con là chị Võ Yến N vay tiền nhiều lần, hiện còn 04 khoản vay với số tiền 10.067.000.000đ (*Mười tỷ không trăm sáu mươi bảy triệu đồng*) đến nay vẫn chưa trả; cụ thể như sau:

- Ngày 27/4/2022 vay số tiền 3.440.000.000 đồng (*Ba tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 10 ngày, bắt đầu từ ngày 27/04/2022 đến ngày 07/05/2022.

- Ngày 09/6/2022 vay số tiền 2.020.000.000 đồng (*Hai tỷ không trăm hai mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 20 ngày, bắt đầu từ ngày 9/6/2022 đến ngày 29/6/2022.

- Ngày 16/7/2022 vay số tiền 3.780.000.000 đồng (*Ba tỷ bảy trăm tám mươi triệu đồng*), thời hạn vay 01 tháng, bắt đầu từ ngày 16/7/2022 đến ngày 16/8/2022. Trong biên nhận không thể hiện thời hạn vay nhưng có thỏa thuận bên ngoài với thời hạn vay là 01 tháng.

- Ngày 28/8/2022 vay số tiền 827.000.000 đồng (*Tám trăm hai mươi bảy triệu đồng*), thời hạn vay là 01 tháng trong biên nhận không thể hiện thời hạn vay.

Đối với 04 khoản vay nêu trên hai bên có xác lập hợp đồng vay bằng văn bản, tất cả các biên nhận trên không có thể hiện lãi suất nhưng nguyên đơn thống nhất lãi là 1,66%/tháng theo ý kiến của bị đơn, mục đích vay làm thủ tục để vay vốn Ngân hàng. Chị N đã giao đủ tiền cho ông P, bà M và chị N.

Tuy nhiên, kể từ khi nhận tiền xong cho đến nay, cũng hết thời hạn vay đã lâu. Ông P, bà Như M và chị N vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ trả số tiền nợ vốn của 04 khoản vay nêu trên là 10.067.000.000 đồng và cũng chưa thực hiện việc trả lãi cho chị N. Chị N đã nhiều lần yêu cầu phía bị đơn trả nợ gốc, lãi nhưng gia đình bị đơn luôn tìm mọi lý do nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Chị N yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày tính lãi của vay ngày 28/8/2022, cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay 3.440.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28/8/2022 đến ngày 29/7/2025 (35 tháng 01 ngày) với số tiền là 1.000.271.733 đồng; tổng cộng tiền vay gốc và lãi suất là 4.440.271.733 đồng.

- Đối với khoản vay 2.020.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28/8/2022 đến ngày 29/7/2025 (35 tháng 01 ngày) với số tiền là 587.368.867 đồng; tổng cộng tiền vay gốc và lãi suất là 2.607.368.867 đồng.

- Đối với khoản vay 3.780.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28/8/2022 đến ngày 29/7/2025 (35 tháng 01 ngày) với số tiền là 1.099.135.800 đồng; tổng cộng tiền vay gốc và lãi suất là 4.879.135.800 đồng.

- Đối với khoản vay 827.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28/8/2022 đến ngày 29/7/2025 (35 tháng 01 ngày) với số tiền là 240.472.303 đồng; tổng cộng tiền vay gốc và lãi suất là 1.067.472.303 đồng.

Như vậy tổng số tiền vay và lãi suất của tất cả các khoản vay nêu trên là 12.994.248.703 đồng (mười hai tỷ chín trăm chín mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn bảy trăm lẻ ba đồng).

Chị N không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông Võ Thanh P và bà Phan Thị Như M. Chị N xác định: giữa chị và ông P, bà M có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 588 và thửa đất số 1112, cùng tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp) do phòng công chứng số 0 tỉnh Đồng Tháp công chứng ngày 06/9/2022, chị N xác định giá trị chuyển nhượng là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) để trừ nợ nhưng trong hợp đồng chỉ thể hiện 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng). Trong số tiền 2.000.000.000 đồng này chị N đã trả cho chị Lê Thị Tuyết M 570.000.000 đồng để trừ khoản nợ mà bà Như M thiếu của chị Tuyết M, số tiền còn lại là 1.430.000.000 đồng chị N trừ các khoản nợ của bà Như M. Như vậy việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng giữa hai bên đã hoàn thành, chị N cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong.

*** Ông Võ Thanh P và bà Phan Thị Như M trình bày như sau:**

Đối với 04 hợp đồng vay tiền đề ngày 27/4/2022, ngày 09/6/2022, ngày 16/7/2022 và ngày 28/8/2022 mà phía nguyên đơn đang yêu cầu thì ông Võ Thanh P và bà Phan Thị Như M thống nhất có ký tên; Tuy nhiên, từ ngày vay đến nay thì bà M cũng đã thực hiện việc thanh toán cho chị N rất nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể như sau:

Tại Ngân hàng V, chị M đã chuyển tiền trả cho chị N như sau:

+ Ngày 28/4/2022: 1.000.000.000 đồng với nội dung “chuyển trả tiền xoài” (Tuyết M).

+ Ngày 16/5/2022: 2.000.000.000 đồng với nội dung “chuyển trả tiền xoài” (Bạch T).

+ Ngày 26/5/2022: 1.000.000.000 đồng với nội dung “chuyển trả tiền xoài”.

+ Ngày 6/7/2022: 450.000.000 đồng với nội dung “M chuyển tiền N”.

+ Ngày 6/7/2022: 450.000.000 đồng với nội dung “M chuyển tiền N”.

+ Ngày 6/7/2022: 200.000.000 đồng với nội dung “M chuyển tiền N”.

Tổng cộng: 5.100.000.000 đồng.

Tại Ngân hàng S, chị M đã chuyển tiền trả cho chị N như sau:

+ Ngày 28/4/2022: 7.000.000 đồng với nội dung “M gửi tiền xoài N”

+ Ngày 17/5/2022: 14.000.000 đồng với nội dung “M N”

+ Ngày 22/6/2022: 20.000.000 đồng với nội dung “M gửi tiền N”

+ Ngày 23/6/2022: 30.000.000 đồng với nội dung “M trả gửi tiền N”

+ Ngày 23/6/2022: 10.000.000 đồng với nội dung “M trả gửi tiền N”

+ Ngày 18/7/2022: 150.000.000 đồng với nội dung “M nộp tiền giữ N”

+ Ngày 19/7/2022: 450.000.000 đồng với nội dung “M gửi trả tiền N”

+ Ngày 19/7/2022: 450.000.000 đồng với nội dung “M gửi trả tiền N”

+ Ngày 19/7/2022: 100.000.000 đồng với nội dung “M gửi trả tiền N”

+ Ngày 21/7/2022: 3.000.000.000 đồng với nội dung “M trả tiền xoài N”

+ Ngày 21/7/2022: 200.000.000 đồng với nội dung “M trả tiền xoài N”

+ Ngày 21/7/2022: 2.000.000 đồng với nội dung “M trả tiền xoài N”

+ Ngày 22/7/2022: 10.000.000 đồng với nội dung “M trả tiền N”

+ Ngày 13/8/2022: 10.000.000 đồng với nội dung “M gửi N”

+ Ngày 15/8/2022: 10.000.000 đồng với nội dung “M trả tiền N”

Tổng cộng: 1.768.183.315 đồng.

Tại Ngân hàng M, bà M đã chuyển tiền trả cho chị N như sau:

+ Ngày 29/7/2022: 1.500.000.000 đồng với nội dung “giải ngân trả tiền lúa cho N”

+ Ngày 29/7/2022: 500.000.000 đồng với nội dung “thanh toán tiền mua lúa”

+ Ngày 11/8/2022: 500.000.000 đồng với nội dung “thanh toán tiền mua lúa”

Tổng cộng: 2.500.000.000 đồng.

Ngân hàng S, bà M đã chuyển tiền trả cho chị N như sau:

+ Ngày 28/5/2022: 400.000.000 đồng với nội dung “chuyển khoản cho N”

+ Ngày 28/5/2022: 300.000.000 đồng với nội dung “M chuyển 700tr tiền xoài”

Tổng cộng: 700.000.000 đồng.

Theo đó qua các lần chuyển khoản, tổng số tiền mà bà M đã trả cho chị N là 10.068.000.000 đồng, yêu cầu trừ vào số tiền nợ gốc mà chị N đang yêu cầu là 10.067.000.000 đồng. Trong tổng số tiền chuyển khoản có số tiền 1.000.000.000 đồng chuyển cho chị Tuyết M và số tiền 2.000.000.000 đồng chuyển cho chị Bạch T với mục đích là cân trừ các khoản nợ của chị N. Đối với 02 khoản tiền này, bà M đã khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Về yêu cầu lãi suất, bà Phan Thị Như M và ông Võ Thanh P chỉ thống nhất trả lãi suất kể từ ngày khởi kiện với mức lãi suất 0,83%/tháng, không đồng ý tính lãi suất như nguyên đơn đã yêu cầu.

- Đối với yêu cầu phản tố, ông Võ Thanh P và bà Phan Thị Như M có 02 yêu cầu như sau:

1. Chị N đã xác định việc bà M, ông P xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 588 và thửa đất số 1112, cùng tờ bản đồ số 4, loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp) với mục đích là để trừ các khoản nợ mà bà Như M còn thiếu; Chị N cũng xác định giá trị hợp đồng là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), số tiền này trả cho chị Lê Thị Tuyết M 570.000.000 đồng để trừ khoản nợ mà bà Như M thiếu của chị Tuyết M, số tiền còn lại là 1.430.000.000 đồng chị N trừ các khoản nợ của bà Như M nhưng đến nay thì chị N chưa thực hiện khấu trừ nợ. Do đó, bà M và ông P đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/9/2022 giữa ông Võ Thanh P và bà Phan Thị Như M với chị Lê Thị Duyên N. Bà M và ông P đồng ý giao đất và tài sản trên đất cho chị N; đồng thời yêu cầu khấu trừ số tiền 1.430.000.000 đồng vào các khoản vay trong vụ án này.

2. Yêu cầu hủy tất cả bốn hợp đồng vay tiền ngày 27/4/2022, ngày 09/6/2022, ngày 16/7/2022 và ngày 28/8/2022.

*** Bị đơn chị Võ Yến N trình bày tại văn bản ngày 20/4/2025 như sau:**

Việc bà M, ông P vay tiền của bà N thì chị N không hề hay biết, số tiền này được sử dụng vào mục đích gì thì chị N cũng được không rõ, bản thân bà N cũng không giao cho chị N số tiền này, vì thế việc bà N yêu cầu chị N cùng với bà M, ông P trả nợ số tiền trên thì chị N không đồng ý.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Tuyết M trình bày tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm như sau:** Giữa chị và chị Lê Thị Duyên N, bà Phan Thị Như M do quen biết nhau trong việc làm ăn. Chị đã nhiều lần cho chị Lê Thị Duyên N và bà Phan Thị Như M vay tiền như sau:

- Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) mà bà Như M đang yêu cầu cân trừ nợ do bà Như M đã chuyển khoản trả cho chị, chị xác định số tiền này chị N vay của chị nhưng trong tài khoản của chị không đủ tiền nên chị có nhờ chị Trần Thị Bạch T chuyển khoản cho chị N, sau đó thì chị cũng đã chuyển tiền trả cho chị Bạch T xong. Số tiền này chị Bạch T chuyển cho chị N để chị N cho bà Như M vay lại. Khi giải ngân, bà Như M chuyển vào tài khoản

của chị số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), số tiền này bà Như M chuyển cho chị để trừ số tiền chị Bạch T đã chuyển cho chị N.

- Đối với số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) mà bà Phan Thị Như M đang yêu cầu cản trừ nợ do bà Như M chuyển khoản cho chị Trần Thị Bạch T. Chị xác định đây cũng là số tiền của chị, số tiền này chị trực tiếp cho chị N vay bằng hình thức chuyển khoản cho chị N. Sau đó thì chị N chuyển khoản cho bà Như M vay. Khi bà Như M giải ngân từ ngân hàng xong thì bà Như M chuyển trả chị số tiền 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) này thông qua tài khoản của chị Trần Thị Bạch T. Bà Như M đã chuyển khoản cho chị Bạch T và chị Bạch T cũng đã chuyển khoản trả lại cho chị xong, mục đích là để cản trừ nợ giữa chị và chị Duyên N.

Như vậy tổng số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) đều là của chị Tuyết M cho chị Duyên N vay, chị cũng đã nhận đủ số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) từ bà Như M. Trường hợp bà Như M khởi kiện yêu cầu chị trả nợ thì chị yêu cầu chị N phải có trách nhiệm trả lại cho bà Như M.

- Mặt khác, bà Như M có nợ của chị Tuyết M số tiền là 570.000.000 đồng (có xác lập biên nhận). Số tiền này bà Như M đã chuyển giao nghĩa vụ cho chị Duyên N và đã xác lập biên nhận mới giữa chị và chị Duyên N, đối với biên nhận giữa chị và bà Như M không còn hiệu lực.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh H trình bày tại Tòa án như sau:** Từ năm 2020 đến nay anh đã thuê xoài lá của bà Như M được 03 đợt, mỗi đợt là 02 năm với số tiền là 18.000.000 đồng, đợt cuối cùng anh thuê của bà Như M vào tháng 04/2024, hết hạn hợp đồng là tháng 06/2026, anh đã trả tiền thuê cho bà Như M xong. Anh H xác định trong vụ án này anh không có yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê giữa anh và bà Như M. Trường hợp quyền sử dụng đất được công nhận cho chị N, anh H và bà Như M sẽ tự thỏa thuận với nhau, trường hợp không thỏa thuận được thì anh sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn H trình bày tại Tòa án như sau:** Từ năm 2020 đến nay, anh H đã thuê xoài lá của bà Như M được 03 đợt, mỗi đợt là 02 năm với số tiền là 30.000.000 đồng, đợt cuối cùng anh thuê của bà Như M vào tháng 04/2024, hết hạn hợp đồng là tháng 04/2026 và anh H đã trả tiền thuê cho bà Như M xong. Anh H xác định trong vụ án này anh không có yêu cầu giải quyết hợp đồng thuê giữa anh và bà Như M. Trường hợp quyền sử dụng đất được công nhận cho chị N thì anh H và bà Như M sẽ tự thỏa thuận với nhau, trường hợp không thỏa thuận được thì anh sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

* Tại Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0 - Đồng Tháp quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Duyên N. Buộc anh Võ Thanh P và chị Phan Thị Như M phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Lê Thị Duyên N tổng số tiền là 2.006.996.810 (hai tỷ, sáu

triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn, tám trăm mười) đồng, trong đó nợ gốc là 1.569.000.000 đồng và tiền lãi là 437.996.810 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Duyên N về việc buộc chị Võ Yến N phải liên đới với anh Võ Thanh P và chị Phan Thị Như M trả nợ theo hợp đồng vay ngày 16/7/2022 số tiền 3.780.000.000 đồng và lãi suất.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn anh Võ Thanh P và chị Phan Thị Như M về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/9/2022 được xác lập tại Phòng công chứng số 0 tỉnh Đồng Tháp giữa anh Võ Thanh P, chị Phan Thị Như M và chị Lê Thị Duyên N. Buộc chị Phan Thị Như M, anh Võ Thanh P giao lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc các thửa đất số 588 và 1112, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là Phường C, tỉnh Đồng Tháp) cho chị Lê Thị Duyên N quản lý, sử dụng; diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4 (diện tích 1.123,6m² thuộc thửa số 588, tờ bản đồ số 4, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, loại đất trồng cây lâu năm) và các mốc M5-M6-M7-M8 (diện tích 653,7m² thuộc thửa số 1112, tờ bản đồ số 4, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, loại đất trồng cây lâu năm) theo sơ đồ đo đạc ngày 02/12/2024 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn anh Võ Thanh P và chị Phan Thị Như M về việc hủy 04 hợp đồng vay tiền đề ngày 27/4/2022, ngày 09/6/2022, ngày 16/7/2022 và ngày 28/8/2022.

5. - Nguyên đơn chị Lê Thị Duyên N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với tổng số tiền là 119.725.249 (một trăm mười chín triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm bốn mươi chín) đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 86.335.000 (tám mươi sáu triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0009972 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy chị Lê Thị Duyên N còn phải nộp tiếp số tiền là 33.390.249 (ba mươi ba triệu, ba trăm chín mươi nghìn, hai trăm bốn mươi chín) đồng.

- Bị đơn anh Võ Thanh P và chị Phan Thị Như M phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm với tổng số tiền là 72.439.936 (bảy mươi hai triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm ba mươi sáu) đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà chị M, anh P đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0000173 ngày 22/02/2023 và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0000877 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, anh Võ Thanh P và chị Phan Thị Như M còn phải nộp tiếp số tiền là 71.839.936 (bảy mươi một triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn, chín trăm ba mươi sáu) đồng.

6. Về chi phí tố tụng: Chị Lê Thị Duyên N phải chịu chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ với tổng số tiền là 11.877.638 đồng, số tiền này chị N đã nộp là 5.877.638 đồng, chị Như M đã nộp 6.000.000 đồng; do đó chị N còn phải trả lại cho chị Phan Thị Như M số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về quyền yêu cầu thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Kháng cáo:

+ Ngày 07/8/2025, chị Lê Thị Duyên N là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm: Chị N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp, theo hướng chấp nhận toàn bộ khởi kiện của chị N.

+ Ngày 11/8/2025, ông Võ Thanh P và bà Phan Thị Như M, là bị đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm. Ông P và bà M đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp, theo hướng không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của chị N.

* Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự có mặt tại phiên tòa đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị Duyên N và không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Như M, ông Võ Thanh P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đã được kiểm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Lê Thị Duyên N là nguyên đơn và bà Phan Thị Như M, ông Võ Thanh P là bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về nội dung kháng cáo của chị Lê Thị Duyên N:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/3/2026, chị Lê Thị Duyên N là nguyên đơn của vụ án đề nghị được rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện và rút đơn kháng cáo của chị nhưng ông P, bà Như M có ông Vũ Tuấn K là người đại diện theo ủy quyền không đồng ý với đề nghị của chị N. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của chị Lê Thị Duyên N theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 299 của Bộ luật tố tụng dân sự và tiếp tục xét xử vụ án.

[2.2] Chị N kháng cáo và cho rằng: Khi chị khởi kiện bà Như M và ông P có biên nhận rõ ràng. Việc bà M và ông P chuyển tiền qua ngân hàng cho chị N là để cản trở vào các biên nhận khác mà bà M, ông P đã vay của chị N. Chị N

không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc cản trở số tiền mà bà M, ông P trả cho các biên nhận vay tiền ngày 27/4/2022, ngày 09/6/2022, ngày 16/7/2022 và ngày 28/8/2022.

Xét thấy: chị N thừa nhận đã nhận từ ông P, bà Như M tổng số tiền là 10.068.000.000 đồng (mười tỷ sáu mươi tám triệu đồng) nhưng không chứng minh được ông P, bà Như M thanh toán cho biên nhận nợ khác nên Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận khởi kiện của chị N đối với số tiền 7.068.000.000 đồng (bảy tỷ sáu mươi tám triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị N đối với việc yêu cầu ông P và bà Như M trả cho chị số tiền 7.068.000.000 đồng (bảy tỷ sáu mươi tám triệu đồng).

[3] Xét kháng cáo của bà Phan Thị Như M và ông Võ Thanh P.

Bà Như M và ông P kháng cáo và trình bày: Ông, bà đã chuyển khoản trả xong nợ tại các biên nhận vay tiền ngày 27/4/2022, ngày 09/6/2022, ngày 16/7/2022 và ngày 28/8/2022 với chị N. Bà M và ông P không đồng ý trả tiếp cho chị N số tiền vốn lãi là 2.006.996.810 đồng (trong đó tiền vốn là 1.569.000.000 đồng và tiền lãi là 437.996.810 đồng) theo quyết định tại Bản án sơ thẩm.

Xét thấy: Thể hiện tại hồ sơ là thừa nhận của chị N đã nhận từ ông P, bà Như M nhiều lần với tổng số tiền là 10.068.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị N cho rằng khoản tiền nêu trên là do ông P, bà M trả cho các khoản tiền vay trước đó.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông P và bà M đã xuất trình các chứng từ giao dịch ngân hàng và đã được Tòa án xác minh, làm rõ: Khoảng thời gian từ ngày 28/4/2022 đến ngày 15/8/2022 bà Như M đã thực hiện việc chuyển tiền đến tài khoản của chị N nhiều lần với số tiền tổng cộng là 10.068.000.000 đồng, trong đó có giao dịch chuyển khoản cho chị N số tiền 7.068.000.000 đồng và số tiền còn lại 2.999.000.000 đồng (được làm tròn là 3.000.000.000 đồng).

Đối với số tiền còn lại được làm tròn là 3.000.000.000 đồng (Ba tỷ đồng), chị N thừa nhận bà Như M đã chuyển khoản cho chị Tuyết M và chị Bạch T theo yêu cầu của chị N để trừ nợ. Và chị N cũng cho rằng việc bà Như M chuyển khoản trả tiền cho chị Tuyết M và chị Bạch T biên nhận nợ khác, không liên quan đến các biên nhận vay tiền ngày 27/4/2022, ngày 09/6/2022, ngày 16/7/2022 và ngày 28/8/2022 mà chị N khởi kiện.

Xét thấy: Việc bà Như M chuyển khoản số tiền 3.000.000.000 đồng cho chị Tuyết M và chị Bạch T theo yêu cầu của chị N để trừ nợ là có thật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Tuyết M trình bày: số tiền 3.000.000.000 đồng nêu trên không có liên quan gì đến chị Bạch T. Chị Tuyết M đã nhận được số tiền 3.000.000.000 đồng mà bà Như M đã chuyển khoản và số tiền 3.000.000.000 đồng này do bà Như M chuyển cho chị Tuyết M để trừ khoản nợ mà chị N đã cho bà Như M vay. Tuy nhiên, trong vụ án này chị Bạch T không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của chị T nên bà Như M thống nhất không yêu cầu giải quyết trong vụ án này đối với số tiền 3.000.000.000 đồng để tranh chấp thành một vụ án khác.

Số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) này do các bên gồm: chị N, bà Như M, chị Tuyết M, chị Bạch T chưa thống nhất là khoản tiền bà Như M chuyển khoản trả cho biên nhận nào. Lẽ ra, khi Tòa án cấp sơ thẩm phải nhận định tách số tiền 3.000.000.000 đồng này giải quyết thành vụ án khác thì không buộc bà Như M, ông P có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) trong vụ án này mới phù hợp với tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/01/2026, đại diện theo ủy quyền của bà Như M và ông P xuất trình được tài liệu, chứng cứ hiện nay bà Như M, ông P đã khởi kiện chị N đối với số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) nêu trên tại Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp. Chị Bạch T, chị Tuyết M đều thừa nhận số tiền 3.000.000.000 đồng này do bà Như M chuyển trả cho chị Tuyết M thay chị N theo đề nghị của chị N.

Từ tài liệu, chứng cứ do bị đơn xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm cùng thừa nhận của chị Tuyết M, chị Bạch T có nghĩa là: Bà Như M và ông P chứng minh được, bà Như M đã chuyển khoản trả xong số tiền 3.000.000.000 đồng cho chị N thông qua người thứ 3 là chị Tuyết M và chị Bạch T. Hiện nay, Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp đang thụ lý và giải quyết tranh chấp vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay” giữa nguyên đơn bà Phan Thị Như M, ông Võ Thanh P và bị đơn là Lê Thị Duyên N. Đồng thời, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 16/3/2026 chị N cũng đề nghị rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị là phù hợp với việc tách giải quyết số tiền 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) thành một vụ án dân sự khác.

Với những phân tích nêu trên xét thấy: Bà Như M và ông P kháng cáo không đồng ý trả cho chị N số tiền 3.000.000.000 đồng trong vụ án này là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận kháng cáo của bà Như M và ông P.

[4] Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

Ông Võ Thanh P và bà Phan Thị Như M yêu cầu phản tố: Yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/9/2022 được xác lập tại Phòng công chứng số 0 tỉnh Đồng Tháp giữa ông Võ Thanh P, bà Phan Thị Như M và chị Lê Thị Duyên N là vô hiệu.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông P và bà Như M, có ông Vũ Tuấn K và chị N thống nhất: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/9/2022 có giá trị là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng), chị N khấu trừ nợ từ hợp đồng chuyển nhượng này với số tiền là 570.000.000 đồng, còn lại số tiền 1.430.000.000 đồng là giá trị hợp đồng nêu trên chưa thanh toán.

Do đó, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện phản tố: Yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/9/2022 được xác lập tại Phòng công chứng số 0 tỉnh Đồng Tháp giữa ông Võ Thanh P, bà Phan Thị Như M và chị Lê Thị Duyên N.

Và Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp đã tuyên: Chấp nhận yêu cầu phản tố nêu trên của ông P và bà Như M.

Do tại Tòa án cấp phúc thẩm đã xem xét tách số tiền 3.000.000.000 đồng đang tranh chấp giữa bà Như M, ông P, chị N, chị Bạch T và chị Tuyết M giải quyết thành một vụ án khác nên việc các bên thống nhất thực hiện tiếp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/9/2022 thì chị N phải có nghĩa vụ trả tiếp giá trị đất chuyển nhượng cho bà Như M, ông P số tiền còn lại là 1.430.000.000 đồng (một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng).

[5] Vào ngày 26/02/2026, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp có nhận được Bản ghi ý kiến (V/v kháng cáo của bà M) đề ngày 29/01/2026 của bà Phan Thị Như M và Bản ghi ý kiến (V/v kháng cáo của ông P) đề ngày 29/01/2026 của ông Võ Thanh P. Bà Như M và ông P đề nghị giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/9/2022 là vô hiệu.

Xét thấy: Tại đơn kháng cáo ngày 11/8/2025 của bà Phan Thị Như M và ông Võ Thanh P không có kháng cáo đối với yêu cầu phản tố của ông, bà về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/9/2022. Do đó, không thể xem xét đề nghị nêu trên của bà Như M và ông P do vượt quá phạm vi xem xét phúc thẩm được quy định tại 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét chi phí tố tụng: Do yêu cầu phản tố của bà Phan Thị Như M và ông P được chấp nhận một phần đối với yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[7] Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận xét nêu trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị.

Sửa bản án sơ thẩm.

Từ những nhận xét trên, Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của chị Lê Thị Duyên N là không có căn cứ nên không chấp nhận. Chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Như M và ông Võ Thanh P.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên chị Lê Thị Duyên N, bà Phan Thị Như M, ông Võ Thanh P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do khởi kiện của chị N không được chấp nhận nên chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 147, Khoản 2 Điều 148 và Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 117, Điều 463, Điều 468 và Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 167, Điều 188 và Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 236 Luật Đất đai 2024;

Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Duyên N.
2. Chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị Như M và ông Võ Thanh P.
3. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 29/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp.
4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Duyên N yêu cầu ông Võ Thanh P và bà Phan Thị Như M phải có trách nhiệm liên đới trả cho chị Lê Thị Duyên N tổng số tiền vốn lãi là 8.115.111.813 đồng (tám tỷ một trăm mười lăm triệu một trăm mười một nghìn tám trăm mười ba đồng).
5. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Duyên N yêu cầu chị Võ Yến N phải liên đới với ông Võ Thanh P và bà Phan Thị Như M trả nợ theo hợp đồng vay ngày 16/7/2022 số tiền vốn lãi là 4.879.135.800 đồng (bốn tỷ tám trăm bảy mươi chín triệu một trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm đồng).
6. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Thanh P và bà Phan Thị Như M về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/9/2022 được xác lập tại Phòng công chứng số 0 tỉnh Đồng Tháp giữa ông Võ Thanh P, bà Phan Thị Như M và chị Lê Thị Duyên N.

Buộc bà Phan Thị Như M và ông Võ Thanh P giao quyền sử dụng đất, tài sản trên đất thuộc các thửa đất số 588 và 1112, tờ bản đồ số 14, mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp) cho chị Lê Thị Duyên N quản lý, sử dụng; diện tích đất được xác định trong phạm vi các mốc M1-M2-M3-M4-M1 (diện tích 1.123,6m² thuộc thửa số 588, tờ bản đồ số 14) và các mốc M5-M6-M7-M8-M5 (diện tích 653,7m² thuộc thửa số 1112, tờ bản đồ số 14) theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 02/12/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

(Kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 01/11/2024 của Tòa án nhân dân huyện C (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 0 – Đồng Tháp) và Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 02/12/2024 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp).

7. Buộc chị Lê Thị Duyên N có trách nhiệm thanh toán tiếp tục cho bà Phan Thị Như M và ông Võ Thanh P giá trị của các thửa đất số 588 và 1112, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (nay là phường C, tỉnh Đồng Tháp) số tiền là 1.430.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

8. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Võ Thanh P và bà Phan Thị Như M về việc hủy 04 hợp đồng vay tiền đề ngày 27/4/2022, ngày 09/6/2022, ngày 16/7/2022 và ngày 28/8/2022.

9. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tổng số tiền là 11.877.638 đồng, chị Lê Thị Duyên N và ông Võ Thanh P, bà Phan Thị Như M mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ với số tiền là 5.938.819 đồng. Chị N đã tạm ứng số tiền 5.877.638 đồng. Bà Như M đã tạm ứng số tiền 6.000.000 đồng; Như vậy, chị N còn phải trả lại cho bà Như M số tiền chênh lệch là 61.181 đồng (Sáu mươi một nghìn một trăm tám mươi một đồng).

10. Về án phí:

- Chị Lê Thị Duyên N, ông Võ Thanh P và bà Phan Thị Như M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

+ Chị Lê Thị Duyên N được nhận tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001761 ngày 20/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

+ Ông Võ Thanh P và bà Phan Thị Như M được nhận tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001388 ngày 11/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

+ Ông Võ Thanh P được nhận tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001587 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Chị Lê Thị Duyên N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.999.425 (Một trăm mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 86.335.000 đồng (tám mươi sáu triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009972 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0 – Đồng Tháp). Như vậy, chị Lê Thị Duyên N còn phải nộp tiếp án phí dân sự sơ thẩm là 26.664.425 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng).

- Ông Võ Thanh P và bà Phan Thị Như M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông P và bà M được nhận lại tiền tạm ứng án phí mà bà M, ông P đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000173 ngày 22/02/2023 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000877 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 0 – Đồng Tháp).

11. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng TT,KT &THA TAT
- VKSND Tỉnh;
- Thi hành án dân sự Tỉnh;
- Tòa án ND khu vực 0;
- Phòng THADS khu vực 0;
- Đường sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Thị Liên Hiệp